

CHƯƠNG 01: QUY ĐỊNH CHUNG

A. QUY ĐỊNH CHO TẤT CẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG

I./ MỤC ĐÍCH, Ý NGHĨA CỦA CÔNG TÁC ATVSLĐ

1./ Mục đích

a./ Vị trí của người lao động trong sản xuất:

Quá trình sản xuất là quá trình lao động với trình độ và năng lực nhất định sử dụng công cụ, thiết bị, tác động vào đối tượng lao động để tạo ra những sản phẩm có ích cho sự tiêu dùng xã hội. Trong ba yếu tố hợp thành quá trình sản xuất ấy, yếu tố lao động có vị trí quyết định nhất. Nếu không có lao động thì sản xuất không thể diễn ra, không thể tồn tại.

b./ Những nhân tố tác động ảnh hưởng đến sức khỏe và thân thể của người lao động:

Lao động là yếu tố quyết định, nhưng trong quá trình lao động sản xuất thường xuyên tồn tại và phát sinh các yếu tố bất lợi có thể gây tác động đến thân thể và sức khỏe người lao động.

Trước hết, lao động sản xuất kể cả lao động chân tay và lao động trí óc, đều bị hao tổn về sức lực, thần kinh trí tuệ, đây là sự hao phí lao động cần thiết để sáng tạo ra sản phẩm mới. Sự hao phí lao động đó phải bù đắp để tái sản xuất sức lao động.

Bên cạnh hao phí cần thiết đó, người lao động còn bị nhiều yếu tố có thể gây tác động vào cơ thể gây nguy hiểm và có hại như tác động bởi dòng điện, bởi nhiệt độ, bởi bụi, chất độc, chất nổ, tiếng ồn... Các yếu tố đó phát sinh và tồn tại trong quá trình sản xuất do những thiếu sót về tổ chức kỹ thuật, về tổ chức lao động hoặc do sự vô ý, cẩu thả của người lao động. Những tác động đó có thể gây ra tai nạn lao động (TNLĐ), gây nhiễm độc, bệnh nghề nghiệp, làm giảm sức khỏe, hoặc thiệt hại tính mạng người lao động.

c./ Mục đích của an toàn lao động, vệ sinh lao động (AT-VSLĐ):

Bảo đảm sự toàn vẹn thân thể của người lao động không bị tai nạn lao động, không bị bệnh nghề nghiệp và tác hại nghề nghiệp.

Giảm tiêu hao sức khỏe, nâng cao ngày công giờ công lao động và duy trì sức khỏe lâu dài, làm việc có năng suất lao động cao.

2./ Ý nghĩa:

Thực hiện công tác AT-VSLĐ có ý nghĩa chính trị, xã hội và mang lại lợi ích kinh tế rõ rệt như sau:

a./ Ý nghĩa về chính trị:

Thực hiện công tác AT-VSLĐ thực hiện bản chất ưu việt của chế độ XHCN, biểu hiện tính Đảng, tính giai cấp rõ rệt. Chế độ XHCN quý trọng lao động, coi người lao động là vốn quý nhất của xã hội. Chỉ có Đảng của giai cấp

công nhân mới quan tâm bảo vệ, giữ gìn tính mạng sức khỏe của người lao động, chăm lo xây dựng đội ngũ giai cấp công nhân có trình độ tay nghề cao nhằm đáp ứng nhu cầu nhiệm vụ chính trị to lớn là xây dựng thành công Chủ nghĩa Xã hội.

b./ Ý nghĩa xã hội:

AT-VSLĐ vừa là yêu cầu cần thiết của sản xuất, vừa là quyền lợi, nguyện vọng chính đáng của người lao động, là biểu hiện thiết thực nhất chăm lo đến đời sống, hạnh phúc của họ.

AT-VSLĐ tốt đảm bảo cho xã hội trong sáng, lành mạnh, đội ngũ giai cấp công nhân có điều kiện phát triển toàn diện về trí lực thể lực. Mọi người lao động có sức khỏe sẽ làm việc có hiệu quả cao, làm chủ bản thân. Làm chủ khoa học kỹ thuật,...TNLĐ không xảy ra, sức khỏe được bảo đảm thì Nhà nước, Xã hội và gia đình không phải chịu những tổn thất do phải nuôi dưỡng, điều trị và do đó hạnh phúc gia đình được đảm bảo.

c./ Lợi ích về kinh tế:

Tạo ra các điều kiện lao động tốt tức là đảm bảo cho người lao động không bị tác động bởi các yếu tố có hại trong sản xuất, giữ gìn được sức khỏe và khả năng lao động của họ, do đó người lao động làm việc được liên tục được năng suất cao.

Bảo đảm thực hiện đầy đủ các biện pháp kỹ thuật an toàn lao động đúng theo quy phạm, quy trình và chỉ tiêu sẽ bảo đảm cho máy móc thiết bị nhà xưởng sử dụng được lâu dài, không bị sự cố hư hỏng, bảo vệ được tài sản cố định và do đó cũng tránh được TNLĐ đáng tiếc xảy ra. Mỗi khi TNLĐ xảy ra dù nhẹ, cũng gây thiệt hại đáng kể. Nếu TNLĐ chết người thì thiệt hại khó lòng tính hết được.

II./ QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG VIỆC CHẤP HÀNH QUY ĐỊNH VỀ AT-VSLĐ:

1./ Người sử dụng lao động:

a./ Nghĩa vụ:

Theo các quy định của Nhà nước hiện hành, để đảm bảo an toàn lao động, người sử dụng lao động có nghĩa vụ: 7nghĩa vụ

- Hàng năm, khi xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh phải lập kế hoạch, biện pháp AT-VSLĐ và cải thiện điều kiện lao động.

- Trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân và thực hiện các chế độ khác về an toàn lao động, vệ sinh lao động đối với người lao động theo quy định của Nhà nước;

- Cử người giám sát việc thực hiện các quy định, nội quy, biện pháp an toàn lao động, vệ sinh lao động trong doanh nghiệp; phối hợp với công đoàn cơ sở xây dựng và duy trì sự hoạt động của mạng lưới an toàn và vệ sinh viên;

- Xây dựng nội quy, quy trình ATLĐ, VSLĐ phù hợp với từng loại máy, thiết bị, vật tư kể cả khi đổi mới công nghệ, máy, thiết bị, vật tư và nơi làm việc theo tiêu chuẩn quy định của Nhà nước;

- Tổ chức huấn luyện, hướng dẫn các tiêu chuẩn, quy định, biện pháp an toàn lao động, vệ sinh lao động đối với người lao động;

- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động theo tiêu chuẩn chế độ quy định;

- Chấp hành nghiêm chỉnh quy định khai báo, điều tra tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và định kỳ 6 tháng, hàng năm báo cáo kết quả tình hình thực hiện an toàn lao động, vệ sinh lao động, cải thiện điều kiện lao động với Sở Lao động-Thương binh và Xã hội nơi Doanh nghiệp hoạt động.

b./ Quyền hạn:

Quyền hạn của người sử dụng lao động được quy định: 03 quyền

- Buộc người lao động phải chấp hành các quy định, nội quy, biện pháp ATLĐ, VSLĐ;

- Khen thưởng người chấp hành tốt và kỷ luật người vi phạm trong việc thực hiện ATLĐ, VSLĐ;

- Khiếu nại với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về quyết định của Thanh tra viên lao động về ATLĐ, VSLĐ nhưng vẫn phải nghiêm chỉnh chấp hành quyết định đó.

2./ Người lao động:

a./ Nghĩa vụ:

Nghĩa vụ của người lao động được quy định tại Điều 15 Nghị định 06/CP ngày 20/01/1995: 3 nghĩa vụ

- Chấp hành các quy định, nội quy về ATLĐ, VSLĐ có liên quan đến công việc, nhiệm vụ được giao;

- Phải sử dụng và bảo quản các phương tiện bảo vệ cá nhân đã được trang cấp, các thiết bị an toàn, vệ sinh nơi làm việc, nếu làm mất hoặc hư hỏng thì phải bồi thường;

- Phải báo cáo kịp thời với người có trách nhiệm khi phát hiện nguy cơ gây TNLĐ, bệnh nghề nghiệp, gây độc hại hoặc sự cố nguy hiểm, tham gia cấp cứu và khắc phục hậu quả TNLĐ khi có lệnh của người sử dụng lao động.

b./ Quyền hạn:

Quyền của người lao động được quy định tại Điều 15 Nghị định 06/CP ngày 20/01/1995: 3 quyền

- Yêu cầu người sử dụng lao động bảo đảm điều kiện làm việc an toàn, vệ sinh, cải thiện điều kiện lao động, trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân, huấn luyện, thực hiện biện pháp ATLĐ, VSLĐ.

- Từ chối làm công việc hoặc rời bỏ nơi làm việc khi thấy rõ nguy cơ xảy ra TNLĐ, đe dọa nghiêm trọng tính mạng, sức khỏe của mình và phải báo ngay

với người phụ trách trực tiếp, từ chối trở lại làm việc nơi nói trên nếu những nguy cơ đó chưa được khắc phục;

- Khiếu nại hoặc tố cáo với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền khi người sử dụng lao động vi phạm quy định của Nhà nước hoặc không thực hiện đúng các giao kết về ATLĐ, VSLĐ trong hợp đồng, thỏa ước lao động.

III./ CÁCH XỬ LÝ TÌNH HUỐNG VÀ CÁC PHƯƠNG PHÁP SƠ CỨU NGƯỜI BỊ NẠN KHI CÓ TAI NẠN, SỰ CỐ:

1./ Các nguy cơ thường gây TNLĐ và nhiệm vụ cấp cứu

a./ Các nguy cơ chính thường gặp TNLĐ:

TNLĐ do điện cao thế phóng.

TNLĐ do ngã cao.

TNLĐ do bị điện hạ thế giết.

b./ Nhiệm vụ công tác cấp cứu:

+ Loại bỏ nguyên nhân gây tai nạn:

Ví dụ: - Điện giết: cắt nguồn điện.

- Quần áo bắt lửa: dập tắt lửa.

- Vùi lấp: đào bới, ...

+ Xử lý theo trình tự:

Duy trì sự sống bằng các biện pháp:

- Khai thông đường dẫn khí (móc họng lấy dị vật)

- Thổi ngạt

- Ép tim ngoài lồng ngực nếu ngừng tim

- Cầm máu chống sốc

Ngăn ngừa tình trạng nặng thêm:

- Băng bó vết thương.

- Bất động và cố định các xương bị gãy.

- Đặt nạn nhân ở tư thế thích hợp.

Giúp cho bình phục:

- An ủi động viên.

- Tìm cách làm giảm đau.

- Hạn chế việc di chuyển nạn nhân.

- Chống nóng hoặc ủ ấm.

Vận chuyển:

Sắp xếp đưa nạn nhân đến cơ sở y tế, bệnh viện nơi gần nhất hoặc về nhà tùy theo mức độ nặng nhẹ của vết thương. Vận chuyển nạn nhân trong tư thế thích hợp.

2./ Cấp cứu người bị điện giết:

Điện giết gây ảnh hưởng đến tim và nhanh chóng gây tử vong. Khi bị sốc nạn nhân có thể bị tổn thương thêm nếu ngã từ giàn giáo, thang hay từ trên cao xuống.

Có 02 bước để cứu người bị tai nạn điện:

- Tách nạn nhân ra khỏi mạch điện
- Cấp cứu nạn nhân tại chỗ

a./ Cách tách người bị điện giật ra khỏi mạch điện:

+ *Trường hợp cắt được mạch điện:*

Cách tốt nhất là cắt điện bằng những thiết bị đóng, cắt gần nhất như: công tắc điện, cầu chì, hoặc rút phích cắm, cầu dao, máy cắt, ... khi cắt cần lưu ý:

- Nếu mạch điện bị cắt cấp cho đèn chiếu sáng lúc trời tối thì phải chuẩn bị ngay nguồn sáng khác để thay thế.

- Nếu người bị nạn ở trên cao thì phải chuẩn bị để hứng đỡ khi người đó rơi xuống.

+ *Trường hợp không cắt được mạch điện:*

Trong trường hợp này cần phân biệt người bị nạn đang bị chạm vào điện hạ áp hay điện cao áp để áp dụng các cách sau:

- *Nếu là điện hạ áp:* thì người cứu phải đứng trên bàn, ghế hoặc tấm gỗ khô, đi dép hoặc đi ủng cao su, đeo găng cao su để dùng tay kéo nạn nhân tách ra khỏi mạch điện. Nếu không có các phương tiện trên có thể dùng tay nắm áo, quần khô của nạn nhân để kéo ra hoặc dùng gậy gỗ, tre khô gạt dây điện hoặc đẩy nạn nhân để tách ra. Cũng có thể dùng kim cách điện, búa, rìu cán bằng gỗ để cắt đứt dây điện đang gây tai nạn.

Tuyệt đối không được chạm trực tiếp vào người nạn nhân vì như vậy người đi cứu cũng bị điện giật.

- *Nếu mạch điện cao áp:* tốt nhất người cứu phải có ủng và găng cách điện. Dùng sào cách điện để gạt hoặc đẩy nạn nhân ra khỏi mạch điện. Có thể dùng sợi dây kim loại tiếp đất một đầu và ném đầu kia vào cả 3 pha làm ngắn mạch để đường dây bị cắt điện rồi tách người ra khỏi mạch điện.

b./ Cứu chữa nạn nhân sau khi đã tách khỏi mạch điện:

Ngay sau khi nạn nhân được tách khỏi mạch điện phải căn cứ vào các hiện tượng sau đây để xử lý cho thích hợp:

+ *Nạn nhân chưa mất tri giác:*

Khi người bị điện giật chưa mất tri giác, chỉ bị hôn mê trong giây lát, tim còn đập, thở yếu thì phải để nạn nhân ra chỗ thoáng khí yên tĩnh chăm sóc cho hồi tỉnh. Sau đó đi mời y, bác sỹ hoặc nhẹ nhàng đưa đến cơ quan y tế gần nhất để theo dõi chăm sóc.

+ *Nạn nhân mất tri giác:*

Khi người bị nạn mất tri giác nhưng vẫn còn thở nhẹ, tim đập yếu thì đặt nạn nhân nơi thoáng khí, yên tĩnh (nếu trời rét thì đặt nơi kín gió), nới rộng quần, áo, thắt lưng, moi rớt rãi trong mồm nạn nhân ra, cho nạn nhân ngửi amoniắc, nước tiểu, ma sát toàn thân cho nóng lên và cho người đi mời y bác sỹ đến để chăm sóc.

+ *Nạn nhân đã tắt thở:*

Nếu người bị nạn không còn thở, tim ngừng đập, toàn thân co giật giống như chết thì phải đưa nạn nhân ra chỗ thoáng khí, nới rộng quần áo, thắt lưng, moi rớt rãi trong mồm nạn nhân ra. Nếu lưỡi bị thụt vào thì kéo ra. Tiến hành làm hô hấp nhân tạo và hà hơi thổi ngạt ngay. Phải làm liên tục, kiên trì cho đến khi có ý kiến của y, bác sỹ quyết định mới thôi.

3./ Cấp cứu bỏng nhiệt

Nếu quần áo của 01 người nào đó bắt lửa thì cách tốt nhất để dập lửa là lăn tròn người đó trên sàn hoặc cuộn chăn.

Trong mọi trường hợp không nên cố gắng cởi bỏ quần áo của nạn nhân.

Trong trường hợp bỏng nặng, bệnh nhân dễ bị sốc do đó cần chuẩn bị các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa sốc.

a./ Bỏng nhẹ không gây rộp da: (độ I)

Vùng da bị bỏng đỏ, đau rát, khó chịu

Xử lý: ngâm ngay phần da bị bỏng vào trong nước mát. Nếu có điều kiện dùng khăn lau sạch bọc nước đá chườm lạnh lên phần da bị bỏng khoảng 10-15 phút là ổn.

b./ Bỏng gây rộp da: (bỏng độ II)

Vùng da bị bỏng mọng nước, da ẩm ướt, đỏ và đau

Xử lý: như bỏng độ I, không được chọc nốt phỏng, đặt khăn sạch lên vùng bị bỏng, chườm lạnh để giảm đau. Rửa vết bỏng bằng nước đun sôi để nguội, chầm thật khô, phủ gạc sạch lên vết bỏng, không được bôi bất cứ loại dầu mỡ gì và chuyển đến cơ quan y tế.

3 c./ Bỏng sâu (độ III)

4 Bỏng sâu làm trơ thịt đỏ ra.

- Xử lý: dùng gạc dầy lên vùng da bị bỏng, băng nhẹ nhàng, cho nạn nhân uống nhiều nước pha muối. Chuyển ngay nạn nhân đi bệnh viện.

4./ Cấp cứu nạn nhân bị thương chảy máu:

Đặt nạn nhân nằm ngửa đầu hơi thấp, kê cao vị trí bị thương.

Cởi hoặc cắt để lộ vết thương.

Dùng gạc, băng phủ kín vết thương.

Băng ép lên trên gạc để cầm máu.

Nếu tổn thương động mạch (máu đỏ tươi, phun thành tia) phải đặt garo hoặc ép tạm thời trên đường đi của động mạch.

5./ Cấp cứu nạn nhân bị gãy xương:

a. Cách nhận biết người bị gãy xương:

Đau ở chỗ gãy, sưng to và bầm tím

Cử động hạn chế hoặc không cử động được.

Có thể chỉ bị gãy biến dạng so với bên lành.

Có thể đầu xương gãy nhô lên.

b. Nguyên tắc bất động:

Cắm cố kéo chỗ gãy xương, để nguyên hiện trạng đó nằm bất động.

Nẹp phải cứng, đủ độ dài để bất động, ít nhất bằng xương bị gãy.

Nẹp phải sạch sẽ, bên trong quần bông, bên ngoài quần vải mềm (chú ý đầu nẹp), đặt bông vào vị trí các đầu xương gồ ghề.

Nẹp phải buộc chặt vào phần trên và phần dưới vị trí bị gãy trước.

Trường hợp không có nẹp ta dùng que cứng, cành cây, hoặc quyển báo, bìa catong cứng.

Không được chuyển nạn nhân khi chưa cố định

Nếu bị gãy hở phải xử lý vết thương xong mới được cố định.

6./ Vận chuyển nạn nhân:

a./ Quy định chung:

Nạn nhân phải được sơ cứu xong.

Phải vận chuyển nạn nhân êm ái nhẹ nhàng.

Nạn nhân bị thương nặng, bị choáng không được vận chuyển, phải gọi xe cấp cứu đến ngay.

b./ Sử dụng cáng cứu thương:

Cáng thương gồm: cáng bạt, võng, cánh cửa, ván gỗ hoặc có thể dùng chõng tre.

+ Đặt nạn nhân lên cáng:

Không đặt tay vào vết thương.

Nạn nhân bị gãy cột sống, vỡ đầu, gãy chân, vết thương lồng ngực phải có ít nhất 3 người nhất lên cáng (01 người đỡ đầu và lưng; đỡ thân; nâng chi dưới).

Chi dưới gãy thì một tay đỡ phần trên, một tay đỡ phần chi dưới chỗ gãy

Theo hiệu lệnh 1,2,3 cùng nhấc lên, rồi cùng đặt lên cáng.

+ Tư thế nạn nhân nằm trên cáng:

Thường nằm thẳng, hai tay buông xuôi, chân duỗi thẳng.

Bệnh nhân chảy máu nặng, choáng đầu nằm hơi thấp.

Vết thương sọ não, hàm mặt, bị mê man nằm đầu nghiêng sang một bên, đầu kê gối.

Vết thương lồng ngực để nạn nhân nửa nằm nửa ngồi hoặc kê đầu và vai cao lên.

+ Khiêng cáng:

Hai hoặc bốn người.

Phải giữ cáng thường xuyên thăng bằng, cầm đi đều bước làm cáng lắc lư.

Khi lên dốc người đi trước cầm tay cằng, người đi sau nâng cằng lên cho thẳng bằng.

- Khi xuống dốc người đi trước nâng cằng lên, người đi sau hạ cằng xuống cho thẳng bằng.

7./ Các phương pháp hô hấp:

a./ Phương pháp hô hấp nhân tạo:

Tuỳ thuộc vào số người tham gia cứu chữa, có 02 cách thức thực hiện:

+ *Đặt nạn nhân nằm sấp:* (khi chỉ có 01 người cứu)

Đặt nạn nhân nằm sấp, một tay gối vào đầu, một tay duỗi thẳng, mặt nghiêng về phía tay duỗi, moi sót rãi trong mồm và kéo lưỡi (nếu lưỡi thụt vào).

Người làm hô hấp ngồi trên lưng nạn nhân, 2 đầu gối quỳ xuống kẹp vào 2 bên hông nạn nhân, 2 bàn tay để vào 2 bên cạnh sườn, 2 ngón tay cái để sát sống lưng, ấn tay đếm nhẩm “1-2-3” rồi lại từ từ thả tay, thẳng người đếm nhẩm “4-5-6”. Cứ làm như vậy 12 lần/phút, đều đều theo nhịp thở của mình, làm cho đến khi nạn nhân thở được hoặc có ý kiến quyết định của y, bác sỹ mới thôi.

+ *Đặt nạn nhân nằm ngửa:* (khi có 02 người cứu)

Đặt nạn nhân nằm ngửa, dưới thắt lưng đặt gối mềm hoặc quần, áo vo tròn lại, để đầu hơi ngửa, kéo mồm há ra, moi sót rãi trong mồm và kéo lưỡi ra và một người ngồi bên cạnh giữ lưỡi. Nếu mồm mím chặt thì lấy que cứng (không sắc) để cậy ra.

Người cứu ngồi phía đầu, cách đầu 20÷30 cm, 2 tay cầm lấy 2 tay nạn nhân (chỗ gần khuỷu), từ từ đưa lên phía trên đầu sao cho hai bàn tay nạn nhân gần chạm vào nhau.

Sau (2÷3) giây nhẹ nhàng đưa tay nạn nhân gập lại và lấy sức mình ép 2 tay nạn nhân lên ngực. Sau (2÷3) giây lặp lại các động tác trên. Cố gắng làm từ (16÷18) lần trong một phút. Làm thật đều và đếm “1-2-3” cho lúc hít vào và “4-5-6” cho lúc thở ra. Làm liên tục cho đến khi nạn nhân tự thở được bình thường hoặc có ý kiến quyết định của y, bác sỹ mới thôi.

Phương pháp này không khí đưa vào phổi được nhiều hơn phương pháp nằm sấp, nhưng phải có hai người.

b./ Phương pháp hà hơi thổi ngạt kết hợp ép tim ngoài lồng ngực:

Đỡ nạn nhân nằm ngửa, nới rộng quần, áo, thắt lưng, moi sót rãi trong mồm nạn nhân ra, đặt đầu nạn nhân hơi ngửa ra phía sau.

Người cứu đứng (hoặc quỳ) bên cạnh nạn nhân, đặt chéo hai bàn tay lên ngực trái (vị trí của tim) rồi dùng sức mạnh của cả thân người ấn nhanh, mạnh, làm lồng ngực nạn nhân bị nén xuống (3÷4) cm. Sau khoảng 1/3 giây thì buông tay ra để lồng ngực nạn nhân trở lại bình thường. Làm như vậy khoảng 60 lần/phút.

Đồng thời với động tác ép tim, phải có người thứ hai để hà hơi. Tốt nhất có miếng gạc đặt lên mồm nạn nhân, người cứu ngồi bên cạnh đầu, lấy một tay bịt mũi nạn nhân, một tay giữ cho mồm nạn nhân há ra (nếu thấy lưỡi bị tụt vào thì kéo ra), hít thật mạnh để lấy nhiều không khí vào phổi rồi ghé sát mồm vào mồm nạn nhân mà thổi cho lồng ngực phồng lên (hoặc bịt mồm để thổi vào mũi khi không thổi vào mồm được). Hà hơi cho nạn nhân từ (14 ÷ 16) lần/phút.

Điều quan trọng là kết hợp 02 động tác nhịp nhàng với nhau, nếu không động tác này sẽ phản với động tác kia. Cách phối hợp đó là: cứ thổi ngạt 1 lần thì làm động tác xoa bóp (ép) tim 4 nhịp (phù hợp với mỗi nhịp thở khoảng 4 giây và mỗi nhịp đập của tim là 1 giây). Làm liên tục cho đến khi nạn nhân tự thở được hoặc có ý kiến của y, bác sỹ mới thôi.

Lưu ý: Nếu chỉ có 1 người cứu thì có thể làm như sau: Lần lượt thay đổi các động tác, cứ (2÷3) lần thổi ngạt thì lại chuyển sang (4÷6) lần ấn vào lồng ngực.

Nên nhớ rằng, việc cấp cứu người bị tai nạn điện giật là một công việc khẩn cấp, càng nhanh chóng càng tốt, tùy theo hoàn cảnh mà chủ động dùng phương pháp cấp cứu cho thích hợp. Phải hết sức bình tĩnh và kiên trì để cứu. Chỉ được phép cho là nạn nhân đã chết rồi khi thấy bị vỡ sọ, bị cháy toàn thân. ngoài ra phải coi như nạn nhân chưa chết.

IV./ CÔNG DỤNG, CÁCH BẢO QUẢN CÁC PHƯƠNG TIỆN BẢO VỆ CÁ NHÂN, DỤNG CỤ LÀM VIỆC:

1./ Phương tiện bảo vệ cá nhân:

a./ Yêu cầu đối với phương tiện bảo vệ cá nhân:

Phương tiện bảo vệ cá nhân (PTBVCCN) là những dụng cụ, phương tiện cần thiết mà người lao động phải được trang bị để sử dụng trong khi làm việc hoặc thực hiện nhiệm vụ trong điều kiện có các yếu tố nguy hiểm độc hại khi các thiết bị kỹ thuật an toàn-vệ sinh lao động tại nơi làm việc chưa thể loại trừ hết các yếu tố nguy hiểm độc hại. Trang bị PTBVCCN đầy đủ để ngăn ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

PTBVCCN trang bị cho người lao động phải phù hợp với việc ngăn ngừa có hiệu quả các tác hại của các yếu tố nguy hiểm, độc hại trong môi trường lao động nhưng dễ dàng trong sử dụng, bảo quản và không gây tác hại khác.

b./ Các loại phương tiện bảo vệ cá nhân:

Phương tiện bảo vệ đầu: mũ chống chấn thương sọ não, lưới hoặc mũ vải bao tóc,...

Phương tiện bảo vệ thị giác và mặt: kính mắt, mặt nạ, ...

Phương tiện bảo vệ thính giác: nút tai, bịt tai, ...

Phương tiện bảo vệ cơ quan hô hấp: khẩu trang, mặt nạ phòng độc,...

Phương tiện bảo vệ tay, chân: giày, ủng, bít tất,...

Phương tiện bảo vệ thân thể: áo quần, yếm choàng chống nóng, chống rét, chống tia phóng xạ, ...

Phương tiện chống ngã cao: dây an toàn, ...

Phương tiện chống điện giật, điện từ trường: găng tay cách điện, ủng cách điện, ...

Phương tiện chống chết đuối: phao cá nhân, ...

Các loại phương tiện bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động khác.

Lưu ý: Các PTBVCN trên được sản xuất tại Việt Nam hoặc nhập khẩu theo đúng tiêu chuẩn chất lượng của Nhà nước quy định.

c./ Điều kiện được trang bị PTBVCN:

Người lao động trong khi làm việc chỉ cần tiếp xúc với một số trong những yếu tố nguy hiểm, độc hại dưới đây thì được trang bị PTBVCN:

+ Tiếp xúc với yếu tố vật lý xấu như: nhiệt độ quá cao hoặc quá thấp, áp suất, tiếng ồn, ánh sáng quá chói, tia phóng xạ, điện áp cao, điện từ trường, ... hoặc các yếu tố vật lý có hại khác.

+ Tiếp xúc với hoá chất độc như: hơi khí độc, bụi độc, các sản phẩm có chì, thủy ngân, mangan, bazo, axit, xăng, dầu mỡ hoặc các chất độc khác.

+ Tiếp xúc với yếu tố sinh học độc hại, môi trường vệ sinh lao động xấu như:

- Vi rút, vi khuẩn độc hại gây bệnh.
- Phân, nước, rác, cống rãnh hôi thối.
- Các yếu tố sinh học độc hại khác.

+ Làm việc với máy, thiết bị, công cụ lao động hoặc làm việc ở vị trí mà tư thế lao động nguy hiểm dễ gây ra tai nạn lao động như: làm việc trên cao, làm việc trên sông nước, ... hoặc điều kiện nguy hiểm độc hại khác.

d./ Sử dụng và bảo quản PTBVCN:

Người sử dụng lao động phải thực hiện các biện pháp kỹ thuật để loại trừ hoặc hạn chế tối đa các tác hại của yếu tố nguy hiểm, độc hại đến mức có thể được, cải thiện điều kiện lao động trước khi thực hiện biện pháp trang bị PTBVCN.

Người sử dụng lao động căn cứ vào mức độ yêu cầu của từng nghề hoặc công việc cụ thể tại cơ sở mình, sau khi tham khảo ý kiến của tổ chức công đoàn cơ sở thì quyết định thời hạn sử dụng cho phù hợp với tính chất công việc và chất lượng của PTBVCN.

PTBVCN cho công việc nào, chỉ dùng cho công việc ấy, nhất thiết không thể dùng lẫn lộn những dụng cụ chỉ có tác dụng nhất định (không thể dùng ủng để đi mưa, găng tay thường dùng chống axit, ...).

Các PTBVCN chuyên dùng có yêu cầu kỹ thuật cao như găng tay cách điện, ủng cách điện, mặt nạ phòng độc, dây an toàn, ... Người sử dụng lao động cùng người lao động kiểm tra để đảm bảo chất lượng trước khi cấp mới

và định kỳ kiểm tra thử lại sau thời gian sử dụng, phải dán tem và ghi vào sổ theo dõi. Cá nhân hay bộ phận không được tự ý sửa chữa hoặc thay đổi.

Người lao động trước khi sử dụng phải tự kiểm tra lại chất lượng các PTBVVN để phòng những trường hợp hư hỏng bất ngờ.

Người lao động có quyền từ chối những PTBVVN được cấp mà không đảm bảo chất lượng, không đúng tiêu chuẩn quy định.

Các PTBVVN để sử dụng những nơi dơ bẩn, dễ gây nhiễm độc, nhiễm trùng, nhiễm phóng xạ khi sử dụng, người sử dụng lao động phải có các biện pháp khử độc, khử trùng, tẩy xạ bảo đảm tiêu chuẩn vệ sinh, định kỳ kiểm tra và lập sổ theo dõi kết quả kiểm tra.

Người lao động khi trang bị PTBVVN thì bắt buộc phải sử dụng phương tiện đúng quy định trong khi làm việc, không sử dụng vào mục đích riêng. Nếu người lao động cố tình vi phạm thì tùy theo mức độ vi phạm phải chịu hình thức kỷ luật thích đáng theo nội dung lao động của cơ sở mình hoặc theo quy định của pháp luật.

Người lao động làm mất hoặc hư hỏng mà không có lý do chính đáng thì phải bồi thường. Khi dụng cụ phòng hộ hư hỏng hoặc hết thời hạn sử dụng, thí nghiệm không đạt yêu cầu được đem đổi lại.

Mỗi lần thay đổi hoặc chuyển làm công việc khác thì người lao động phải trả lại tất cả những PTBVVN được cấp nếu Đơn vị yêu cầu.

Đơn vị bố trí nơi cất giữ, bảo quản PTBVVN theo hướng dẫn của nhà sản xuất, chế tạo. Người lao động có trách nhiệm giữ gìn cẩn thận PTBVVN được giao.

Những PTBVVN không quy định thời hạn sử dụng phải được trang bị đúng yêu cầu điều kiện an toàn, hàng năm đơn vị lập kế hoạch trang bị PTBVVN và giải trình chi tiết sử dụng, được sự nhất trí của công đoàn gửi về Công ty.

Đơn vị phải lập sổ thông kê, theo dõi việc sử dụng, cấp phát cho cá nhân hoặc bộ phận, cũng như việc thay đổi và thu hồi những dụng cụ đó theo quy định hiện hành của Công ty.

2./ Công dụng, cách bảo quản một số trang cụ an toàn và PTBVVN thông dụng:

PTBVVN, dụng cụ an toàn, dụng cụ làm việc là những công cụ lao động cần thiết trong quá trình lao động sản xuất nhằm giảm tiêu hao sức khỏe cho người lao động, ngăn ngừa TNLĐ, bệnh nghề nghiệp và nâng cao năng suất lao động.

- *Dụng cụ an toàn*: là những dụng cụ trang bị cho người lao động nhằm mục đích bảo vệ cho người lao động không bị tai nạn lao động khi thực hiện một công việc nào đó. Dụng cụ an toàn là những dụng cụ như: găng cách điện,

ủng cách điện, sào cách điện, ghé cách điện, thảm cách điện, nón an toàn, bút thử điện, ...

- *Dụng cụ đo lường*: dùng để đo đạc các thông số trên lưới điện theo đúng tiêu chuẩn vận hành do Nhà nước quy định, dùng để kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất trong công tác QLVH lưới điện nhằm đảm bảo tình hình cung cấp điện liên tục, ổn định và chất lượng đến các phụ tải trong khu vực quản lý. Ngoài ra dụng cụ đo lường còn dùng trong công tác nghiệm thu, thử nghiệm đưa công trình mới vào vận hành trong hệ thống điện.

a./ Quần áo BHLĐ:

Quần áo BHLĐ được may bằng vải dày, sợi bông, khi công tác, tay áo phải bỏ xuống, cài nút cẩn thận.

Quần áo BHLĐ có thể hạn chế một bộ phận hồ quang điện khi xảy ra chạm chập, có thể gây phỏng cho người công nhân khi đứng quá gần hoặc tạo ra một lớp cách điện khi lỡ chạm vào dây dẫn hạ thế, ...

b./ Nón an toàn:

Giúp che chở đầu trong trường hợp có va đập, ví dụ như té từ trên cao xuống, vật rơi từ trên xuống hoặc cũng có thể cách điện tốt khi lỡ chạm vào thiết bị hoặc dây dẫn còn mang điện hạ thế.

Nón an toàn phải có phần lưới đệm bên trong để giảm lực va đập, khi đội phải cài quai cẩn thận để tránh bị rơi nón nếu bị té.

Nón an toàn sau khi sử dụng phải được cất giữ cẩn thận, để trên giá đỡ chắc chắn, không để rơi, nón phải được dán tem theo quy định hiện hành.

c./ Giày vải:

Dùng để bảo vệ chân tránh va đập gai nhọn, đá sỏi bẻ,... và nhiều vật tư, thiết bị có cạnh sắc bén. Nó còn giúp tăng cường cách điện từ thân người đến vật mang điện nếu lỡ đụng phải.

Khi mang dày phải được chọn đúng số, kích cỡ bàn chân và phải cột dây dày cẩn thận, chắc chắn khi làm việc ở dưới đất hoặc leo lên cao.

Khi không sử dụng giày phải được để ngay ngắn, đúng vị trí, nếu bẩn phải giặt sạch.

d./ Găng cách điện, ủng cách điện, ghé cách điện:

Găng, ủng, ghé cách điện giúp tăng cường độ cách điện cho công nhân khi công tác, chúng được chế tạo đặc biệt có độ cách điện thích hợp với từng cấp điện thế.

Găng, ủng trước khi sử dụng phải kiểm tra bằng cách cuộn tròn từ ống đến các đầu ngón tay, đầu ủng hoặc dùng dụng cụ thử găng ủng để bơm hơi vào để xem có bị xì hơi không

Tuyệt đối không được dùng sai cấp điện áp cách điện, không dùng sai mục đích. Thí dụ: găng cách điện dùng bóc bóc vật tư, ủng cách điện lội sinh lầy, ghề cách điện dùng kê đồ, ...

Các loại găng tay, ủng, ghề cách điện đều phải thử nghiệm đúng định kỳ và phải đạt độ cách điện cho phép với từng cấp cách điện thế mới được phép sử dụng.

Găng tay, ủng, ghề cách điện khi sử dụng xong phải được lau sạch sẽ, để nơi khô ráo, tránh nơi có nhiệt độ cao có thể làm biến dạng găng, ủng và ghề.

d./ Dây da an toàn:

Dây da an toàn giúp công nhân có thể treo mình làm việc trên cao với 02 tay được tự do hoạt động.

Dây da an toàn phải được thử nghiệm định kỳ theo đúng quy định.

Trước khi ra hiện trường công tác, mỗi công nhân phải tự kiểm tra dây an toàn của mình xem móc khóa còn tốt không, vòng chữ D để móc khóa còn tốt không, dây có bị tưa hay đứt chỉ may chỗ nào không. Phải thấy thật sự dây còn tốt, đảm bảo an toàn mới được phép sử dụng. Tự kiểm tra dây bằng cách đeo vào người rồi quàng vào vật chắc chắn ở dưới đất sau đó chụm chân lại ngã người ra phía sau 03 lần xem dây có hiện tượng gì không. Tuyệt đối không được dùng dây an toàn không còn đảm bảo an toàn hoặc qua thử nghiệm định kỳ không đạt yêu cầu.

Khi sử dụng xong phải cuộn lại và để nơi khô ráo, tránh bụi bặm, tránh dính dầu nhớt, không để gần nơi có nhiệt độ cao. Nguồn nhiệt cao có thể làm chùng da, cứng da, dây dễ bị nứt.

d./ Bút thử điện hạ thế:

Dùng để thử điện hạ thế còn điện hay không, nó phát hiện điện áp trong vỏ cách điện ở điện áp dưới 380V (bút thử điện hạ thế không cho biết giá trị điện áp).

Khi sử dụng bút thử điện hạ thế, người phải khô ráo, tránh chạm chập giữa các pha. Dùng bút thử điện hạ thế phải thử ở nơi có điện trước.

Sau khi sử dụng bút xong phải được cất cẩn thận, tránh va đập mạnh và có thể làm nứt bút gây rò điện nguy hiểm. Ngoài ra bút còn phải được kiểm tra thường xuyên xem còn có tác dụng hay không (xem đèn còn sáng hay không).

e./ Đầu thử điện trung thế:

Dùng để kiểm tra có điện hoặc không điện trên hệ thống lưới điện cao áp, hạ áp (không cho biết giá trị điện áp). Khi đường dây còn mang điện thiết bị sẽ chỉ hiển thị bằng đèn sáng hoặc còi kêu hoặc chỉ thị cả hai cùng một lúc.

Khi sử dụng nó được gắn vào sào thao tác, sau đó kiểm tra hoạt động của đầu thử điện bằng cách thử cảm ứng điện hạ thế (không cần tiếp xúc với phần có điện).

Sau khi sử dụng xong phải tháo pin ra, đựng vào trong hộp cẩn thận và để trong tủ hoặc nơi thoáng mát, ít bụi bặm, tránh ánh nắng và nơi có nhiệt độ cao.

g./ Bộ tiếp đất lưu động:

Bộ tiếp đất lưu động là một bộ phận dây đồng trần mềm có tiết diện từ 25mm² trở lên dùng để đấu tắt giữa các dây pha với nhau chung với dây trung hòa hoặc nối xuống đất bằng cọc nối đất chắc chắn, để tạo sự ngắn mạch và đưa dòng ngắn mạch xuống đất nếu đột nhiên đường dây có điện trở lại.

Việc nối đất chỉ được thực hiện khi đã cắt điện toàn bộ tuyến dây hoặc khu vực cần công tác và đã thử không còn điện bằng bút thử điện phù hợp với cấp điện thế.

Bộ tiếp đất lưu động phải được kiểm tra thường xuyên về trước khi ra hiện trường và phải đảm bảo tiếp đất chắc chắn.

Tuyệt đối khi công tác, công nhân không được làm ngoài phạm vi đã quy định trong phiếu công tác và nhất là không được ra khỏi phạm vi giới hạn bởi các dây tiếp đất lưu động.

Sau khi sử dụng phải cuộn lại gọn gàng, đựng trong bao vải và để trên giá đỡ chắc chắn.

h./ Sào tiếp địa:

Sào tiếp địa (hay là sào tiếp đất) là loại sào chuyên dùng để thao tác, lắp bộ dây tiếp địa.

Trước khi sử dụng phải kiểm tra đầu móc, độ cứng của thân sào, mặt sào có bị trầy xước, cơ cấu thao tác của sào tiếp địa nhẹ nhàng hay không. Sào phải được thử nghiệm định kỳ và đảm bảo độ cách điện theo đúng quy định cũng như độ dài, độ bền cơ cũng phải theo đúng quy định đối với từng cấp điện áp và đảm bảo chắc chắn khi thao tác.

Khi sử dụng xong, phải được lau chùi sạch sẽ, treo gác lên giá đỡ, tránh xa nơi có nguồn nhiệt cao và nơi ẩm thấp.

i./ Sào thao tác:

Sào thao tác là loại sào chuyên dùng để thao tác đóng cắt điện.

Khi sử dụng kéo dài các chốt của sào ra cho đủ để thao tác, nắm chắc sào và thao tác dứt khoát khi có lệnh được thao tác.

Chế độ bảo quản phải tuân thủ chặt chẽ đúng quy định đối với sào tiếp địa.

k./ Sào thử đồng vị pha:

Sào thử đồng vị pha là loại sào chuyên dùng, có độ cách điện, có đồng hồ chỉ thị phù hợp với điện thế nơi công tác để giúp ta xác định đồng vị pha ở các điểm giao liên giữa 02 tuyến dây.

Chế độ bảo quản như quy định đối với sào tiếp địa.

V./ QUY ĐỊNH VỀ AN TOÀN PCCC

1./ Những quy định chung về công tác PCCC:

a./ Nguyên tắc phòng cháy và chữa cháy:

Huy động tổng hợp của toàn dân tham gia hoạt động phòng cháy và chữa cháy.

Trong hoạt động phòng cháy chữa cháy lấy phòng cháy là chính; phải tích cực và chủ động phòng ngừa, hạn chế đến mức thấp nhất các vụ cháy xảy ra và thiệt hại do cháy gây ra.

Phải chuẩn bị sẵn lực lượng, phương tiện, phương án và các điều kiện khác để khi có cháy xảy ra thì chữa cháy kịp thời, hiệu quả.

Mọi hoạt động phòng cháy và chữa cháy trước hết phải được thực hiện và giải quyết bằng lực lượng và phương tiện tại chỗ.

b./ Trách nhiệm phòng cháy và chữa cháy:

Phòng cháy và chữa cháy là trách nhiệm của mỗi cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân trên lãnh thổ nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

Công dân từ 18 tuổi trở lên đủ sức khoẻ có trách nhiệm tham gia các đội dân phòng, đội phòng cháy và chữa cháy cơ sở được lập ở nơi cư trú hoặc nơi làm việc khi có yêu cầu.

Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, chủ hộ gia đình là người chịu trách nhiệm tổ chức hoạt động và thường xuyên kiểm tra phòng cháy và chữa cháy trong phạm vi trách nhiệm của mình.

Lực lượng phòng cháy chữa cháy có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra hoạt động phòng cháy và chữa cháy của cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và làm nhiệm vụ chữa cháy.

c./ Các hành vi bị nghiêm cấm:

Cố ý gây cháy, nổ làm tổn hại đến tính mạng, sức khoẻ con người, gây thiệt hại tài sản của Nhà nước, cơ quan, tổ chức, cá nhân, ảnh hưởng xấu đến môi trường, an ninh và trật tự an toàn xã hội.

Cản trở các hoạt động phòng cháy và chữa cháy; chống người thi hành nhiệm vụ phòng cháy và chữa cháy.

Lợi dụng hoạt động phòng cháy và chữa cháy để xâm hại đến tính mạng, sức khoẻ con người, xâm hại tài sản Nhà nước, cơ quan, tổ chức và cá nhân.

Báo cháy giả.

Sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, bảo quản, sử dụng mua bán trái phép chất nguy hiểm về cháy, nổ; vi phạm nghiêm trọng các quy định quản lý, sử dụng nguồn lửa, nguồn nhiệt và các tiêu chuẩn về phòng cháy và chữa cháy đã được Nhà nước quy định.

Thi công những công trình có nguy hiểm về cháy, nổ mà chưa có thiết kế được duyệt về phòng cháy và chữa cháy; nghiệm thu đưa vào sử dụng những

công trình có nguy hiểm về cháy, nổ khi chưa đủ điều kiện bảo đảm an toàn về phòng cháy và chữa cháy.

Làm hư hỏng, tự ý thay đổi, di chuyển phương tiện, thiết bị phòng cháy và chữa cháy, biển báo, biển chỉ dẫn và lối thoát nạn.

2./ Biện pháp cơ bản trong công tác phòng cháy và chữa cháy:

a./ Biện pháp cơ bản trong công tác phòng cháy:

Quản lý chặt chẽ và sử dụng an toàn các chất cháy, chất nổ, nguồn lửa, nguồn nhiệt, thiết bị và dụng cụ sinh lửa, sinh nhiệt, chất sinh lửa, sinh nhiệt; bảo đảm các điều kiện an toàn về phòng cháy.

Thường xuyên, định kỳ kiểm tra phát hiện các sơ hở, thiếu sót về phòng cháy và có biện pháp khắc phục kịp thời.

b./ Biện pháp cơ bản trong công tác chữa cháy:

Biện pháp cơ bản trong công tác chữa cháy:

- Huy động nhanh nhất các lực lượng, phương tiện để dập tắt ngay đám cháy.

- Tập trung cứu người, cứu tài sản và chống cháy lan.

- Thống nhất chỉ huy, điều hành trong chữa cháy.

Khi phát hiện cháy, mọi người đều phải thực hiện như sau:

- Khi phát hiện cháy phải hô to “Cháy, cháy, cháy” và sử dụng các nguồn âm thanh như chuông báo cháy, keng báo cháy... để báo động cho mọi người biết có cháy.

- Nhanh chóng cắt cầu dao điện nơi xảy ra cháy.

- Sử dụng các phương tiện chữa cháy có sẵn gần nhất như bình chữa cháy, cát, nước... để dập tắt lửa. Lực lượng chữa cháy tại chỗ có nhiệm vụ nhanh chóng tham gia chữa cháy, cứu người, cứu tài sản. Nếu ngọn lửa lớn không thể dập tắt được thì phải gọi cho lực lượng chữa cháy chuyên nghiệp theo số máy 114 hoặc số điện thoại của đội chữa cháy khu vực đến hỗ trợ chữa cháy và lực lượng chữa cháy tại chỗ có nhiệm vụ ngăn chặn không cho đám cháy phát sinh lớn hơn.

- Khi lực lượng chữa cháy chuyên nghiệp đến thì lực lượng này sẽ trực tiếp chỉ huy việc chữa cháy, lực lượng chữa cháy tại chỗ có nhiệm vụ hỗ trợ trong việc chữa cháy, cứu người, cứu tài sản.

- Khi đám cháy đã được dập tắt thì lực lượng chữa cháy tại chỗ có trách nhiệm bảo vệ các tài sản và thu dọn khu vực cháy.

3./ Quy trình sử dụng bình CO₂ và bình bột chữa cháy:

a./ Bình chữa cháy CO₂ (MT): (xách tay và xe đẩy)

+ **Tính năng:**

Chất chữa cháy trong bình là khí CO₂ ở -79°C được nén vào bình chịu áp lực cao. Đây là chất khí không màu và không mùi, không cháy và không duy trì sự cháy, nặng hơn không khí 1,5 lần.

Khí CO₂ là loại khí không duy trì sự sống. Với nồng độ từ 4-6% thể tích sẽ gây ra đau đầu, tim đập mạnh. Nồng độ trên 10% thể tích gây tử vong, vì vậy nên cẩn thận trong khi dùng khí CO₂ để chữa cháy trong buồng kín.

+ Công dụng:

Bình CO₂ dùng để chữa cháy các đám cháy nhỏ, trong môi trường tương đối kín gió và các đám cháy do điện. Sau khi dập tắt đám cháy không để lại dấu vết, không làm hư hỏng, ảnh hưởng đến chất cháy.

Bình CO₂ không có tác dụng chữa cháy trong một số trường hợp đám cháy kim loại hay một số chất cháy trong quá trình cháy xảy ra không cần oxy.

+ Cách sử dụng bình CO₂:

Khi có cháy, xách bình CO₂ đến chỗ cháy, rút chốt khoá ở cò bóp.

Chọn chiều đứng thích hợp (chú ý đứng trên hướng gió).

Một tay cầm loa phun hướng vào gốc lửa với khoảng cách tối thiểu là 0,5m

Tay kia mở van bình (hay bóp cò tùy theo loại bình). Khí CO₂ thoát ra loa phun vào đám cháy và dập tắt ngọn lửa.

Lưu ý:

- Không sử dụng CO₂ để chữa các đám cháy có than cốc, đám cháy có kim loại kiềm, kiềm thổ (Mg, Mn), bột nhôm, kim loại đang nóng chảy.

- Không để khí CO₂ phun vào người (gây bỏng lạnh). Không nên dùng CO₂ chữa cháy nơi có gió mạnh vì hiệu quả thấp, tốn nhiều bình.

- Tầm phun xa của bình CO₂ có giới hạn vì vậy khi chữa cháy phải tiếp cận gần đám cháy.

- Bóp vòi phun phải bóp dứt khoát, phun liên tục.

+ Kiểm tra:

Việc kiểm tra chất lượng bình phải được tiến hành ít nhất 01 lần/quý.

Kiểm tra bên ngoài như vòi, loa phun, tay cầm, ...

Kiểm tra lượng khí CO₂ bên trong bình bằng cách cân lại trọng lượng bình. Nếu hao hụt quá 20% phải đi nạp lại.

Những bình đã sử dụng lâu cần kiểm tra vỏ bình bằng cách thử áp lực.

Kiểm tra sự rò rỉ khí CO₂ bằng nước thử để bình, cụm van. Nếu rò rỉ đem bình đi sửa chữa, nạp lại khí.

Ở mỗi bình chữa cháy cần thiết phải dán tem ghi rõ ngày tháng năm kiểm tra, tình trạng hoạt động của bình.

+ Bảo quản:

Các bình phải để ở những nơi khô ráo, dễ thấy, dễ lấy, thuận tiện sử dụng và có giá trị đỡ chắc chắn.

Không được để ánh nắng mặt trời chiếu thẳng vào, không để nơi có nhiệt độ cao quá 55°C.

Không để bụi bắn rơi vào van an toàn và vòi phun. Khi vận chuyển không được để va đập vào vỏ bình và van an toàn.

b./ Bình bột chữa cháy (MFZ, MFT):

+ Tính năng:

Bình chữa cháy dùng thuốc bột khô và khí N₂ (đối với bình MFZ) hoặc khí CO₂ (đối với bình MFT), tất cả đều được chứa trong bình kín, không bị ẩm, vón cục. Khí N₂ làm lực đẩy để phun bột khô dập tắt đám cháy, khi phun bột ra áp lực giảm xuống dần, do đó thời gian chữa cháy tương đối lâu. Nhiệt độ sử dụng của bình từ -10°C đến 55°C.

Thuốc bột khô không độc do đó không gây hại cho người, gia súc và môi trường.

+ Công dụng:

Dùng để chữa các đám cháy chất rắn và lỏng như: Xăng dầu, khí cháy, gỗ, cao su, giấy, ...

Không cho phép sử dụng để chữa các đám cháy thiết bị điện tử, các đám cháy có điện hay các đám cháy có thể gây nổ hay làm sự cháy phát triển mạnh như một số kim loại bị cháy, đất đèn, rượu cồn, ...

+ Cách sử dụng:

- Bình xách tay:

Khi phát hiện đám cháy, dùng tay xách bình đến đám cháy, cách đám cháy khoảng 1m thì dừng lại.

Chọn chiều đứng thích hợp, không đứng ngược chiều lửa tắt.

Dùng một tay nắm vào quai xách, tay kia đỡ đế bình và dốc lộn ngược bình 180° từ 3-5 lần, sau đó đặt bình xuống, rút chốt ra.

Tay trái cầm vòi phun xoay lỗ phun hướng tia bột vào đám cháy, đồng thời tay phải bóp cò, phun bột quét vào mép dưới ngọn lửa (gốc lửa).

Lưu ý: Không được phun sục xuống, nhất là các đám cháy xăng và dầu.

- Loại xe đẩy:

Khi có cháy xảy ra, nhanh chóng đẩy bình đến đám cháy, kéo súng phun và ống cao su ra.

Cầm chặt súng phun, bẻ khoá súng thì bột chữa cháy sẽ phun ra. Khi phun phải phun vào hướng lan truyền của ngọn lửa, gốc lửa và lắc súng phun từ trái qua phải để mở rộng diện tích bột phủ dập tắt ngọn lửa.

Lưu ý: Khi sử dụng ngoài trời phải đứng trước chiều gió.

+ Kiểm tra:

Cần thiết phải kiểm tra chất lượng ít nhất 01 lần/quý.

Kiểm tra bên ngoài như vòi, loa phun, tay cầm, ...

Đối với bình sử dụng lâu năm, cần kiểm tra vỏ bình bằng cách thử áp lực. Kiểm tra lượng bột bằng cách xem trị số của đồng hồ đo áp lực, nếu kim áp lực kể chỉ dưới vạch xanh thì phải đem bình đi bổ sung khí.

Những bình đã sử dụng lâu cần kiểm tra vỏ bình bằng cách thử áp lực.

Khi đã sử dụng bình chữa cháy hay mở bình ra thì nhất thiết phải đem bình đi nạp lại.

Ở mỗi bình chữa cháy cần thiết phải dán tem ghi rõ ngày tháng năm kiểm tra, tình trạng hoạt động của bình.

+ Bảo quản:

Các bình phải để ở những nơi khô ráo, dễ thấy, dễ lấy, thuận tiện sử dụng và có giá trị đỡ chắc chắn.

Không được để ánh nắng mặt trời chiếu thẳng vào, nhiệt độ nơi để bình không cao quá +55⁰C.

Không để bụi bẩn rơi vào van an toàn và vòi phun. Khi vận chuyển không được để va đập vào vỏ bình và van an toàn.

Đối với bình xe đẩy: hàng năm phải tra dầu bôi trơn vào bánh xe và bộ phận công tắc súng bột khô. Công tắc súng bột khô phải luôn ở vị trí đóng.

Sau mỗi lần chữa cháy nên dùng súng phun hết lượng bột khô trong bình, sau đó rửa, lau chùi sạch, chuẩn bị cho việc nạp thuốc lần sau.